

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 06 năm 2022

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 520/2022/HĐ-PAP

**DỰ ÁN: CẢNG PHƯỚC AN VÀ KHU DỊCH VỤ HẬU CẦN
CẢNG (LOGISTIC)**

**GÓI THẦU XL03: THI CÔNG XÂY DỰNG SAN LẤP XỬ
LÝ NỀN – SAN LẤP KHU DỊCH VỤ HẬU CẦN CẢNG**

GIỮA

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG
PHƯỚC AN**

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUẤN LỘC



MỤC LỤC

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc:

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng:

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

Điều 8. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của chủ đầu tư Bên giao thầu

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên nhận thầu

Điều 12. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Điều 13. Điện, nước và an ninh công trường

Điều 14. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

Điều 15. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Điều 16. Bảo hiểm và bảo hành

Điều 17. Rủi ro và Bất khả kháng

Điều 18. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

Điều 19. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

Điều 21. Hiệu lực của Hợp đồng

Điều 22. Điều Khoản chung

SBUT
CÓN
CỔ I
KH
HAI
NG PH
PACH

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi Tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi Tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 504/NQ-PAP ngày 11/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, dự thảo biên bản thương thảo, dự thảo hợp đồng và mẫu cam kết tín dụng đối với các gói thầu: Gói thầu XL01, Gói thầu XL02 và Gói thầu XL03 của kế hoạch lựa chọn nhà thầu Phân kỳ 1 – Dự án Cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng (Logistic);

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-PAP ngày 11/06/2022 của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt hợp đồng thi công xây dựng công trình Gói thầu XL03: Thi công xây dựng san lấp xử lý nền – San lấp Khu dịch vụ hậu cần cảng thuộc dự án cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng (Logistic);

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 11/06/2022 giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu;

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 12 tháng 06 năm 2022 tại Đồng Nai, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

Đại diện : Ông Hoàng Sỹ Quyết Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0251 3685588 Fax: 0251 3685599

Tài khoản : 113000171273 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch

Mã số thuế : 3601010336

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUẤN LỘC**

Đại diện : Ông Nguyễn Ngọc Thắng Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Giấy UQ : 91/TL-UQ ngày 02/04/2021 của Tổng giám đốc Công ty

Địa chỉ : 362/14 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Điện thoại : 028 6258 5039 Fax: 028 6258 5077

Tài khoản : 116002869489 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhon Trạch, Đồng Nai

Mã số thuế : 0303898093

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng của Gói thầu XL03: Thi công xây dựng san lấp xử lý nền – San lấp Khu dịch vụ hậu cần cảng thuộc dự án cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng (Logistic) như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1.1. “**Chủ đầu tư**” là Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

1.2. “**Nhà thầu**” là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

1.3. “**Đại diện Chủ đầu tư**” là người được chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và Điều hành công việc thay mặt cho chủ đầu tư.

1.4. “**Đại diện Nhà thầu**” là người được nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và Điều hành công việc thay mặt nhà thầu.

1.5. “**Nhà tư vấn**” là tổ chức, cá nhân do chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng (Nhà tư vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).

1.6. “**Đại diện Nhà tư vấn**” là người được nhà tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà tư vấn giao.

1.7. “**Tư vấn thiết kế**” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

1.8. “**Nhà thầu phụ**” là nhà thầu ký hợp đồng với nhà thầu để thi công một phần công việc của nhà thầu.

1.9. “**Dự án**” là Phân kỳ 1- dự án cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng (Logistic).

1.10. “**Hợp đồng**” là toàn bộ hồ sơ hợp đồng, theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.11. “**Hồ sơ yêu cầu**” của chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu Hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư.

1.12. “**Hồ sơ đề xuất**” của nhà thầu là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu và được nộp cho bên mời thầu theo quy định.

1.13. “**Chỉ dẫn kỹ thuật**” là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

1.14. “**Bản vẽ thiết kế**” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu hoặc do nhà thầu lập đã được chủ đầu tư chấp thuận.

1.15. “**Bảng tiên lượng**” là bảng kê chi Tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.16. “**Bên**” là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.17. “**Ngày khởi công**” là ngày được thông báo theo Khoản 7.1 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng].

1.18. “**Biên bản nghiệm thu**” là biên bản được phát hành theo Điều 6 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng].

1.19. “**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.20. “**Ngày làm việc**” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.21. “**Thiết bị của nhà thầu**” là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.22. “**Công trình chính**” là các công trình Thi công xây dựng Bến cảng, kè bảo vệ bờ, đường bãi, cầu nội bộ, cấp thoát nước, hệ thống điện và công trình phụ trợ mà nhà thầu thi công theo hợp đồng.

1.23. “**Hạng Mục công trình**” là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.

1.24. “**Công trình tạm**” là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng Mục công trình.

1.25. “**Công trình**” là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này.

1.26. “**Thiết bị của chủ đầu tư**” là máy móc, phương tiện do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình, như đã nêu trong Hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư.

1.27. “**Rủi ro và bất khả kháng**” được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.28. “**Luật**” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.29. “**Công trường**” là địa Điểm chủ đầu tư giao cho nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa Điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.

1.30. “**Thay đổi**” là sự thay đổi (Điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1 Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản, điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu được xếp theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thông báo kết quả chỉ định thầu;
- Hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế của Chủ đầu tư;
- Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu;

- Biên bản thương thảo, các văn bản sửa đổi, hoàn thiện hợp đồng;
- Các phụ lục hợp đồng;
- Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

4.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên nhận thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng bảo lãnh của Ngân hàng (hoặc Cam kết tín dụng của Ngân hàng đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Bên nhận thầu) tương đương 2% giá trị hợp đồng cho Bên giao thầu trong vòng 10 (mười) ngày sau khi hợp đồng đã được ký kết. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên giao thầu chấp thuận.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc cam kết tín dụng) phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên nhận thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Bên giao thầu nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các Điều Khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc cam kết tín dụng) nêu rõ ngày hết hạn và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời Điểm 07 (bảy) ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc cam kết tín dụng) cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Bên nhận thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc cam kết tín dụng) trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực. Bên giao thầu phải hoàn trả cho Bên nhận thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên nhận thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

4.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

Trước khi Bên giao thầu tạm ứng hợp đồng cho Bên nhận thầu thì Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (hoặc Cam kết tín dụng của Ngân hàng đảm bảo tài chính trong việc thi công hoàn thành công trình) với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng. Thư bảo lãnh phải được Chủ đầu tư kiểm tra và chấp thuận.

Giá trị tạm ứng được thu hồi ngay từ đợt thanh toán đầu tiên và thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Thời hạn có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng (hoặc Cam kết tín dụng của Ngân hàng đảm bảo tài chính trong việc thi công hoàn thành công trình) được tính từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền đã tạm ứng.

Trong trường hợp bảo lãnh tiền tạm ứng có nêu cụ thể ngày hết hạn mà ngày đó xảy ra trước khi Bên A thu hồi hết tạm ứng, Bên B có nghĩa vụ gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tiền

0103
G T
HÀ
ĐẦU
THÁ
ƯỚC
- 1. 8

tạm ứng, nhằm duy trì hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định nêu trên. Việc gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng phải được thực hiện trước khi bảo lãnh tiền tạm ứng hết hạn ít nhất 07 (bảy) ngày, và Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán ngay các khoản tiền bảo lãnh tiền tạm ứng theo Hợp Đồng này nếu việc gia hạn bảo lãnh không được thực hiện trong thời hạn trên đây.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc:

Bên nhận thầu thực hiện Gói thầu XL03: Thi công xây dựng san lấp xử lý nền – San lấp Khu dịch vụ hậu cần cảng thuộc dự án cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng (Logistic) theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm Hợp đồng này và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng. Các công việc cụ thể nhà thầu phải thực hiện bao gồm:

- Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình.
- Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng.
- Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.
- Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm.
- Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện.
- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).
- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng.
- Thực hiện nghiệm thu công việc chuyên bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình, công trình xây dựng.
- Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công.
- Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường.
- Hợp tác với các nhà thầu khác trên công trường (nếu có).
- Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.
- Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, nghiệm thu, bàn giao:

6.1. Yêu cầu về chất lượng:

Việc thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị phải được thi công theo đúng yêu cầu thiết kế, nhà cung cấp, chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ thiết kế được duyệt phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; Bên nhận thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công cung cấp lắp đặt, giám sát chất lượng thi công của mình.

Bên nhận thầu phải cung cấp cho Bên giao thầu các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

Nhà thầu phải đảm bảo và chứng minh vật tư, hàng hóa mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, theo đúng chỉ dẫn theo hợp đồng.

Bên nhận thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

6.2. Kiểm tra, giám sát của Bên giao thầu

Bên giao thầu được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Bên nhận thầu để kiểm tra;

Trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị nơi được quy định trong Hợp đồng Bên giao thầu được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, và kiểm tra quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

Bên nhận thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Bên giao thầu để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Bên giao thầu được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Bên giao thầu sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Bên nhận thầu là Bên giao thầu không đòi hỏi phải làm như vậy.

6.3. Nghiệm thu công việc hoàn thành:

Bên giao thầu chỉ nghiệm thu các công việc hoàn thành đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 6.1 nêu trên.

Căn cứ nghiệm thu và các chỉ dẫn kỹ thuật (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng nhận sản phẩm, chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...

Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Đại diện Chủ đầu tư.
- Đại diện Nhà thầu.
- Đại diện Ban Quản lý dự án
- Đại diện nhà tư vấn giám sát.

Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành, giai đoạn hoàn thành, nhật ký thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (Theo mẫu biên bản nghiệm thu trên cơ sở quy định của nhà nước).
- Kết quả thí nghiệm vật liệu, kết quả kiểm tra cao độ, kích thước hình học sản phẩm cần nghiệm thu

6.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng Mục công trình

Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành, đáp ứng các Điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì

Bên nhận thầu và Bên giao thầu tiến hành nghiệm thu công trình. Sau khi công trình đủ Điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và bên nhận thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp công trình chưa đủ Điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà bên nhận thầu phải làm để hoàn thành công trình.

Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của nhà nước.

Bên nhận thầu được xem đã hoàn thành trách nhiệm khi các hạng mục công việc được Bên giao thầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, bàn giao và đưa vào sử dụng.

6.5. Trách nhiệm của nhà thầu đối với các sai sót

Bằng kinh phí của mình bên nhận thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong Khoảng thời gian hợp lý mà bên giao thầu yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá Khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.

Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu bên nhận thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong Khoảng thời gian hợp lý, bên giao thầu hoặc đại diện của bên giao thầu có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho bên nhận thầu biết về ngày này.

- Nếu bên nhận thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, bên giao thầu có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và bên nhận thầu phải chịu mọi chi phí (bên nhận thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của bên giao thầu), bên nhận thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc bên giao thầu không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho Mục đích đã định thì bên giao thầu sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, bên nhận thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên giao thầu theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được bên giao thầu đồng ý, bên nhận thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

6.6. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, bên giao thầu có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong Khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các Điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của bên nhận thầu.

6.7. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời Điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:

7.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

Ngày khởi công công trình: Ngày Chủ đầu tư phát lệnh khởi công.

Bên nhận thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình ngay sau ngày khởi công và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Bên nhận thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong Khoảng thời gian 24 tháng kể từ ngày khởi công công trình.

7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng Bên nhận thầu phải lập tiến độ chi Tiết để trình cho chủ đầu tư trong vòng 05 ngày sau ngày khởi công Bên nhận thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Bên nhận thầu. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

Trình tự thực hiện công việc của Bên nhận thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

Báo cáo tiến độ Bên nhận thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Bên nhận thầu được phép Điều chỉnh tiến độ chi Tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Bên giao thầu sẽ thông báo cho Bên nhận thầu trong vòng 07 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Bên nhận thầu thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên giao thầu hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Bên nhận thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo Khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành]. Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với Khoản này.

7.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành

Bên nhận thầu được phép theo Điều 19 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên giao thầu, nhân lực của Bên giao thầu hay các nhà thầu khác của Bên giao thầu gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên nhận thầu gây ra.

Nhà thầu phải có văn bản nêu rõ lý do chậm trễ tiến độ do các nguyên nhân khách quan, có xác nhận của Tư vấn giám sát để trình Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời gian thi công.

7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành], khi đó Bên giao thầu yêu cầu Bên nhận thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 8. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

8.1. Giá Hợp đồng:

Giá trị Hợp đồng là **3.725.481.508.208 đồng** (Bao gồm thuế GTGT và dự phòng phí)

Bằng chữ: Ba nghìn, bảy trăm hai mươi lăm tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, hai trăm lẻ tám đồng./.

(Đính kèm bảng khối lượng, đơn giá kèm theo hợp đồng)

Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá Điều chỉnh.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên nhận thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá Hợp đồng chỉ được Điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 [Điều chỉnh giá Hợp đồng].

Giá trị quyết toán hợp đồng là giá trị sau khi kiểm toán độc lập báo cáo quyết toán công trình được Chủ đầu tư phê duyệt.

8.2. Tạm ứng

- Trong trường hợp sau khi ký Hợp đồng, Bên giao thầu chưa kịp huy động được vốn thì Bên nhận thầu sẽ tự ứng vốn trước để triển khai thi công theo đúng tiến độ được duyệt.

- Trong trường hợp sau khi ký Hợp đồng, Bên giao thầu kịp huy động được vốn thì Bên giao thầu sẽ xem xét tạm ứng cho Bên nhận thầu một khoản tiền không vượt quá 50% giá trị hợp đồng (bao gồm VAT và dự phòng phí) sau khi Hợp đồng được ký kết và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh (hoặc Cam kết tín dụng của Ngân hàng đảm bảo tài chính trong việc thi công hoàn thành công trình) của Bên nhận thầu.

- Phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu (10%) sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

Việc tính toán, thu hồi dần tiền tạm ứng được thực hiện sau khi bên nhận thầu đã nhận được tiền tạm ứng.

Tiền tạm ứng được thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký.

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 14 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu], Điều 15 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu] hoặc Điều

17 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên giao thầu.

8.3. Thanh toán:

8.3.1. Tiến độ thanh toán

Chủ đầu tư thỏa thuận với nhà thầu thanh toán làm nhiều lần theo khối lượng công việc hoàn thành được tổ chức nghiệm thu theo quy định. Nhà thầu cung cấp hóa đơn GTGT tương ứng với giá trị thanh toán tại thời điểm nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị khối lượng thực hiện từng đợt sau khi trừ tiền tạm ứng theo tỷ lệ quy định.

Trường hợp nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành đạt trên từ 90% giá trị hợp đồng hoặc công trình thi công hoàn thành mà thanh toán khối lượng nhỏ hơn 90% của hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ giữ bảo hành theo giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.

Sau khi công trình hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 97% giá trị hoàn thành công trình và giữ lại tiền bảo hành công trình 3% giá trị hoàn thành công trình tại tài khoản của Chủ đầu tư đến khi hết hạn bảo hành công.

Trường hợp nhà thầu thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 90% giá trị hợp đồng thì chủ đầu tư giữ lại 3% tiền bảo hành trên giá trị nghiệm thu thanh toán.

Hồ sơ thanh toán: Nhà thầu sẽ nộp hồ sơ thanh toán 07 bộ lên Chủ đầu tư lập theo mẫu qui định hiện hành.

Sau khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư kiểm tra, hoàn thành các thủ tục và thực hiện thủ tục thanh toán cho Nhà thầu.

8.3.2. Thời hạn thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

8.3.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán

Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển Khoản.

Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng

9.1. Các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng.

Thay đổi và / hoặc bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong Hợp đồng đã ký kết. Trong trường hợp này, phần giá Giá hợp đồng điều chỉnh được xác định trên cơ sở khối lượng các công việc bổ sung và đơn giá các công việc bổ sung. Đơn giá các công việc bổ sung được xác định như sau:

a) Đối với các công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc Hợp Đồng mà trong hợp đồng đã có đơn giá thì sử dụng đơn giá được quy định trong Hợp đồng.

b) Đối với những khối lượng công việc bổ sung mà trong Hợp đồng chưa có đơn giá thì đơn giá của khối lượng phát sinh đó sẽ do hai bên thỏa thuận áp dụng đơn giá mới (Áp dụng định mức theo bộ xây dựng công bố, đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công tại

thời điểm thi công theo công bố của tỉnh Đồng Nai) trên cơ sở các quy định, chế độ chính sách hiện hành của Nhà Nước.

c) Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% (Hai mươi phần trăm) so với khối lượng công việc tương ứng đã ghi trong Hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận xác định đơn giá mới cho phần khối lượng phát sinh (áp dụng định mức theo Bộ xây dựng công bố, đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công tại thời điểm thi công theo công bố của tỉnh Đồng Nai) trên cơ sở các quy định, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước.

d) Các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.2 Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng.

Việc điều chỉnh giá Hợp đồng sẽ được thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng về hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng.

Phương pháp điều chỉnh giá: Dùng hệ số điều chỉnh giá.

Giá hợp đồng được điều chỉnh bằng phương pháp hệ số (P_n) và được thực hiện theo công thức điều chỉnh giá như sau:

$$G_{TT} = G_{HD} \times P_n \quad (1)$$

Trong đó :

- G_{TT} : là giá thanh toán tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian "n". " G_{HD} " có thể là giá trị của cả hợp đồng, hoặc của hạng mục công trình, hoặc loại công việc, hoặc yếu tố chi phí trong hợp đồng.

- P_n : Là hệ số điều chỉnh giá (tăng hoặc giảm) được áp dụng cho thanh toán hợp đồng đối với các khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong khoảng thời gian "n".

" P_n " được xác định tương ứng và phù hợp với giá thanh toán " G_{TT} ", cụ thể:

+ Nếu " G_{TT} " là giá thanh toán của hợp đồng tại thời điểm "n", thì " P_n " là hệ số điều chỉnh được xác định cho cả hợp đồng tương ứng trong khoảng thời gian "n".

+ Nếu " G_{TT} " là giá thanh toán cho hạng mục công trình trong hợp đồng tại thời điểm "n", thì " P_n " là hệ số điều chỉnh được xác định cho hạng mục công trình tương ứng trong hợp đồng trong khoảng thời gian "n".

+ Nếu " G_{TT} " là giá thanh toán cho loại công việc hoặc yếu tố chi phí trong hợp đồng tại thời điểm "n", thì " P_n " là hệ số điều chỉnh giá được xác định cho loại công việc hoặc yếu tố chi phí tương ứng trong hợp đồng trong khoảng thời gian "n".

Khi điều chỉnh hợp đồng theo công thức (1) thì cơ sở dữ liệu đầu vào để tính toán điều chỉnh giá phải phù hợp với nội dung công việc trong hợp đồng.

" P_n " được xác định và áp dụng như sau:

Trong đó:

- a: Là hệ số cố định, thể hiện phần không điều chỉnh giá của các khoản thanh toán theo hợp đồng (hoặc theo hạng mục, hoặc công việc, hoặc yếu tố chi phí trong hợp đồng); $a=0,4$.

- b: Là hệ số điều chỉnh, thể hiện phần điều chỉnh giá của các khoản thanh toán theo hợp đồng (hoặc theo hạng mục, hoặc theo công việc, hoặc theo yếu tố chi phí trong hợp đồng); giá trị các hệ số: $b=0,6$.

- Tổng các hệ số: $a+b=1$

- I_n : Là các chỉ số giá phần xây dựng của công trình tương ứng với mỗi hạng mục công trình cho thời gian "n", được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán quy định trong hợp đồng; trường hợp trong 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ thanh toán có công bố chỉ số giá của hai tháng (hoặc hai quý) liền kề thì lấy chỉ số giá của tháng (hoặc quý) gần nhất.

- I_o : là các chỉ số giá phần xây dựng công trình tương ứng với mỗi hạng mục công trình, được xác định trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày đóng thầu.

- Các chỉ I_o , I_n : Được lấy theo công bố chỉ số giá xây dựng do Sở xây dựng Đồng Nai hoặc Bộ xây dựng (trường hợp không có công bố giá của Sở Xây dựng Đồng Nai) ban hành.

Quy định loại hình Công trình tương ứng chỉ số giá phần xây dựng: Theo quy định của Bộ xây dựng.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của chủ đầu tư Bên giao thầu

Quyền được thay đổi của Chủ đầu tư: Việc thay đổi có thể được Chủ đầu tư triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp biên bản nghiệm thu công trình.

Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Bên nhận thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng.

Cử và thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng.

Bổ trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng.

Cử cán bộ giám sát trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hoặc thuê tư vấn giúp Bên giao thầu giám sát theo quy định.

Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến chỉ dẫn kỹ thuật hàng hóa, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị của Bên nhận thầu trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Bên giao thầu không trả lời thì coi như Bên giao thầu đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Bên nhận thầu.

Kiểm tra về nhân lực (chỉ huy trưởng, cán bộ giám sát, cán bộ kỹ thuật, số lượng công nhân...) và chủng loại, số lượng thiết bị của nhà thầu thi công đưa vào công trường như cam kết trong hồ sơ dự thầu (nếu có).

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên nhận thầu

11.1. Trách nhiệm chung của Nhà thầu:

Nhà thầu phải thi công và hoàn thành công trình theo hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp thiết bị, máy móc, nguyên nhiên vật liệu và toàn bộ nhân lực để thi công như đã nêu trong hồ sơ dự thầu (nếu có).

Trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình và cả thời gian cần thiết sau đó để hoàn thành các nghĩa vụ của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ có sự giám sát cần thiết để vạch kế hoạch, sắp xếp, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra công việc.

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp

trương xứng về nghề nghiệp theo đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu (nếu có).

Phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, ổn định và an toàn của mọi thao tác trên công trường và mọi biện pháp thi công cung cấp lắp đặt.

Bất kỳ lúc nào Chủ đầu tư có thể yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình các chi tiết của việc bố trí và các biện pháp thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị mà Nhà thầu đề xuất để được chấp thuận áp dụng cho việc thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình. Không được thay đổi đáng kể những sự bố trí và các biện pháp nếu không thông báo trước cho Chủ đầu tư.

Nhà thầu chỉ được phép tiến hành thay đổi hoặc sửa chữa các công việc khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Trường hợp, Nhà thầu không thực hiện được bất kỳ thay đổi nào theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm, không giới hạn về kinh phí, thủ tục pháp lý đối với các hành vi của Nhà thầu và nhân sự, thiết bị của Nhà thầu vi phạm các quy định của pháp luật, không đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

Trường hợp khi Nghiệm thu, Thanh tra, Kiểm toán,... Bên nhận thầu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, phối hợp, giải trình với Bên giao thầu. Trong trường hợp giảm trừ giá gói thầu; giảm trừ giá trị theo dự toán duyệt; giảm trừ giá hợp đồng; giảm trừ khối lượng..., thì Nhà thầu phải chấp hành.

11.2. Đảm bảo chất lượng:

Nhà thầu phải đảm bảo chất lượng công trình đúng yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

Các loại vật liệu phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng quy cách, nguồn gốc xuất xứ; kèm theo chứng nhận kiểm định về chất lượng; kiểm tra kiểm định sự phù hợp chất lượng và phải được Bên giao thầu phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải tuân thủ đúng Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong việc thi công xây dựng công trình phù hợp với các nội dung đã nêu trong hợp đồng, nhưng không làm giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo hợp đồng và Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong quá trình thi công xây dựng của Nhà thầu.

11.3. Tránh ảnh hưởng đến các công trình và dân cư:

Nhà thầu không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào: Sự thuận tiện của công chúng; việc tiếp cận, sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác.

11.4. Máy móc - thiết bị Nhà thầu:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ toàn bộ máy móc thiết bị để thi công công trình theo cam kết trong hồ sơ dự thầu. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một mục thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

Xe ô tô tải vận chuyển vật liệu phục vụ thi công tại công trình không vượt tải trọng cho phép theo quy định tại Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 19/3/2015 của UBND tỉnh chấn chỉnh và xử lý triệt để tình trạng phương tiện vận tải đường bộ vi phạm chở hàng quá tải trọng cho phép trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xe máy, máy móc phục vụ thi công công trình phải an toàn, có đăng ký biển số, đăng

kiểm, thiết bị phục vụ công tác thi công phải được kiểm định hợp chuẩn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp nhà thầu không đáp ứng được xe máy – thiết bị đưa vào thi công gói thầu. Chủ đầu tư được quyền đình chỉ thi công gói thầu nói trên cho đến khi nhà thầu đáp ứng đầy đủ theo như cam kết trong hồ sơ dự thầu.

11.5. Báo cáo tiến độ:

Các báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng sẽ được Nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Chủ đầu tư 01 bản. Báo cáo đầu tiên phải tính từ ngày khởi công đến ngày cuối cùng của tháng đầu. Sau đó, các báo cáo phải được nộp hàng tháng, mỗi báo cáo phải nộp trong vòng 05 ngày sau ngày cuối cùng của khoảng thời gian liên quan.

Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn lại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Biên bản nghiệm thu công trình.

So sánh tiến độ theo kế hoạch và thực tế, với chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể gây nguy hiểm cho việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

11.6. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường:

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, bằng chi phí của mình Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ, an toàn.

Điều 12. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

12.1. An toàn lao động

Bên nhận thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bên nhận thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

Bên nhận thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo

quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên nhận thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

12.2. Bảo vệ môi trường

Bên nhận thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

12.3. Phòng chống cháy nổ:

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 13. Điện, nước và an ninh công trường

13.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên nhận thầu cần.

Bên nhận thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trong các yêu cầu của Bên giao thầu; Bên nhận thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên nhận thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên nhận thầu phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

13.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những Điều kiện riêng:

- Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

- Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên nhận thầu và của Bên giao thầu và những người khác do Bên giao thầu (hoặc người thay mặt) thông báo cho Bên nhận thầu biết.

Điều 14. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

14.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên giao thầu

Nếu Bên nhận thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên giao thầu có thể ra thông báo yêu cầu Bên nhận thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

Bên giao thầu quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên nhận thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Bên giao thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận thầu và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

14.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên nhận thầu:

- Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo Khoản 14.1 của Hợp đồng này [Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên giao thầu];

- Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

- Không có lý do chính đáng mà 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

- Giao thầu phụ toàn bộ công trình, hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên giao thầu;

- Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên giao thầu có thể, bằng cách thông báo cho Bên nhận thầu trước 07 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Bên nhận thầu ra khỏi công trường.

Sự lựa chọn của Bên giao thầu trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên giao thầu theo Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Bên nhận thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Bên nhận thầu cho Bên giao thầu. Tuy nhiên, Bên nhận thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên giao thầu có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Bên giao thầu và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên nhận thầu và các tài liệu thiết kế khác do Bên nhận thầu thực hiện hoặc do đại diện Bên nhận thầu thực hiện.

Bên giao thầu sẽ thông báo rằng thiết bị của Bên nhận thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Bên nhận thầu ở tại hoặc gần công trường. Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Bên nhận thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Bên nhận thầu còn nợ Bên giao thầu một Khoản thanh toán nào thì Bên giao thầu được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Bên nhận thầu.

Trường hợp đặc biệt, Bên giao thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Bên giao thầu, bằng cách thông báo cho Bên nhận thầu việc chấm dứt Hợp

đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 07 ngày sau khi Bên nhận thầu nhận được thông báo này của Bên giao thầu hoặc Bên giao thầu trả lại bảo lãnh thực hiện. Bên giao thầu sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp để cho Bên nhận thầu khác thi công công trình.

14.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 14.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu] có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên nhận thầu và các Khoản tiền phải thanh toán cho Bên nhận thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

14.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 14.2 của Hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu] có hiệu lực, Bên giao thầu có thể:

- Không thanh toán thêm cho Bên nhận thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên giao thầu chấp thuận đã được xác định;

- Thu lại từ Bên nhận thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên giao thầu phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một Khoản nợ nào đối với Bên nhận thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên giao thầu sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Bên nhận thầu.

Điều 15. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

15.1. Quyền tạm ngừng công việc của Bên nhận thầu

Việc tạm ngừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo khoản 15.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 19 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]

15.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Bên nhận thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;

b) Bên giao thầu về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên nhận thầu có thể, bằng thông báo trước 30 ngày cho Bên giao thầu để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của Điều (d) Bên giao thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

15.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Bên nhận thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức:

- Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên giao thầu hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- Chuyển giao cho Bên giao thầu toàn bộ tài liệu của Bên nhận thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên nhận thầu đã được thanh toán;
- Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

15.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu] đã có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ ngay lập tức:

- Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Bên nhận thầu;
- Thanh toán cho Bên nhận thầu.

Điều 16. Bảo hiểm và bảo hành

16.1. Bảo hiểm

Bên giao thầu phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Bên giao thầu đã mua bảo hiểm công trình; khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Bên nhận thầu, Bên nhận thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Bên nhận thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Bên nhận thầu được bồi thường thì Bên nhận thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Bên giao thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm.

Bên nhận thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên nhận thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

16.2. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **24 tháng** kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công cung cấp lắp đặt công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên nhận thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

- Mức tiền cam kết để bảo hành công trình bằng 3% giá trị hoàn thành công trình. Sau khi công trình hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị hoàn thành công trình cho Nhà thầu, khi Nhà thầu có thư bảo lãnh bảo hành (hoặc Cam kết tín dụng của Ngân hàng đảm bảo tài chính trong thời gian thực hiện bảo hành công trình) 3% giá trị hoàn thành công trình (Nhà thầu chỉ được Ngân hàng giải tỏa tiền bảo hành công trình (hoặc Cam kết tín dụng của Ngân hàng sẽ hết hiệu lực) khi Chủ đầu tư ký xác nhận kết thúc thời hạn bảo hành công trình) hoặc thanh toán cho nhà thầu 97% giá trị hoàn thành công trình và giữ lại tiền bảo hành công trình 3% giá trị hoàn thành công trình tại tài khoản của Chủ đầu tư đến khi hết hạn bảo hành công trình (Tiền giữ lại được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo qui định của Ngân hàng và thanh toán cho nhà thầu bao gồm tiền 3% giữ lại cộng tiền lãi suất khi công trình hết hạn bảo hành (có biên bản nghiệm thu hết trách nhiệm bảo hành)

Điều 17. Rủi ro và Bất khả kháng

17.1. Rủi ro và bất khả kháng

- a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.
- b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.
- c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

17.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 17.1 của Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên nhận thầu, thì Bên nhận thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Bên giao thầu và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Bên giao thầu yêu cầu.

17.3. Trách nhiệm của Bên nhận thầu đối với rủi ro

Bên nhận thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình, và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo Khoản 6.5 của Hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng Mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Bên giao thầu. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng Mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng Mục nào của công trình đó được chuyển cho Bên giao thầu.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Bên giao thầu, Bên nhận thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư thiết bị hoặc tài liệu của Bên nhận thầu nào trong Khoảng thời gian Bên nhận thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong Khoản 17.3 của Hợp đồng [Trách nhiệm của Bên nhận thầu đối với rủi ro], Bên nhận thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Bên nhận thầu, để công trình, vật tư thiết bị và tài liệu của Bên nhận thầu đúng với Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Bên nhận thầu.

17.4. Bồi thường rủi ro

Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho chủ đầu tư, các nhân viên của Bên giao thầu đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết, của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên giao thầu, các nhân viên của Bên giao thầu, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

- Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này;

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Bên nhận thầu, nhân lực của Bên nhận thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Bên giao thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên nhận thầu, các nhân viên của Bên nhận thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên giao thầu, các nhân viên của chủ đầu tư.

17.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của Khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

17.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Bên nhận thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 17.5 của Hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng], và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 19 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

- Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 7.3 của Hợp đồng [Giới hạn thời gian hoàn thành];

- Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong các Điểm (b) Khoản 17.1 của Hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Bên giao thầu phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

17.7. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 60 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 17.5 của Hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều Khoảng thời gian mà tổng số là trên 60 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 15 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu:

- Các Khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;
- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên nhận thầu, hoặc những thứ Bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên giao thầu khi đã được Bên giao thầu thanh toán, và Bên nhận thầu sẽ để cho Bên giao thầu tùy ý sử dụng;
- Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Bên nhận thầu phải chịu để hoàn thành công trình;
- Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Bên nhận thầu khỏi công trình và trả lại các hạng Mục thiết bị này cho công trình của Bên nhận thầu;
- Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Bên nhận thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời Điểm chấm dứt Hợp đồng.

Điều 18. Phạt vi phạm hợp đồng

Nhà thầu chịu xử phạt nếu vi phạm tại Mục 1, chương II “Hành vi vi phạm hành chính, chính thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng” của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ.

Phạt vi phạm về an toàn lao động: Sau khi bên giao thầu hoặc nhà thầu giám sát thi công (nếu có) đã nhắc nhở 03 lần việc nhà thầu thi công vi phạm về an toàn lao động nhưng nhà thầu thi công không khắc phục, thực hiện tốt an toàn lao động trên công trường và bắt đầu vi phạm lần thứ 04 trở đi nhà thầu thi công sẽ bị phạt 30.000.000 đồng/01 lần.

Phạt vi phạm về việc làm hồ sơ nghiệm thu và thanh toán: Sau khi bên giao thầu hoặc nhà thầu giám sát thi công (nếu có) đã nhắc nhở 02 lần việc nhà thầu thi công vi phạm về chất lượng và tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu và thanh toán dẫn đến việc sửa chữa, kéo dài thời gian, nhưng nhà thầu thi công không khắc phục và bắt đầu vi phạm từ lần thứ 03 trở đi nhà thầu thi công sẽ bị phạt 30.000.000 đồng/01 lần.

Phạt vi phạm chất lượng: Vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng hoặc chất lượng sản phẩm không đảm bảo yêu cầu, quy định trong hợp đồng, Nhà thầu phải làm lại cho đảm bảo chất lượng ngoài ra còn bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng.

Vi phạm tiến độ thực hiện: nếu chậm tiến độ chi tiết cứ 02 ngày thì phạt 2% giá hợp đồng cho mỗi 02 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tổng số lần vi phạm không qua 05 lần, nếu quá 05 lần vi phạm chậm tiến độ chi tiết nhà thầu bị kết luận là chậm tiến độ thi công liên tục trong 10 ngày và bị chấm dứt hợp đồng theo khoản 14.1 điều 14 của hợp đồng này.

Tổng số các lần phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; Nếu nhà thầu không thực hiện hợp đồng đã ký thì Chủ đầu tư thu bảo đảm thực hiện hợp đồng và Nhà thầu phải hoàn trả tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư đã tạm ứng cho Nhà thầu (nếu có)

Điều 19. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

19.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

19.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

19.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

20.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 07 bộ hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận:

- Giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng hợp đồng.
- Số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác.

Hồ sơ quyết toán hợp đồng gồm:

- Bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.
- Các biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
- Hồ sơ kiểm định, thí nghiệm chất lượng công trình, xuất xứ hàng hóa.
- Các văn bản pháp lý có liên quan.
- Bản vẽ hoàn công, nhật ký công trình.
- Các tài liệu khác có liên quan....

20.2. Thanh lý Hợp đồng

Ngay sau khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình, Chủ đầu tư sẽ ký xác nhận cho Nhà thầu là đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành công trình và hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng chấm dứt trách nhiệm giữa các bên tham gia hợp đồng.

Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện xong trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 21. Hiệu lực của Hợp đồng

21.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.

21.2. Tính pháp lý của Hợp đồng:


Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên giao thầu, Bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.


Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Điều Khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời; mẫu kiến nghị, yêu cầu theo Phụ lục số 5 (Thông tư 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016).

Hợp đồng này bao gồm 25 trang được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, bên giao thầu sẽ giữ 06 bản, bên nhận thầu sẽ giữ 04 bản và có giá trị như nhau./.

 ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

 ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Sỹ Quyết



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Lễ Hằng

PHỤ LỤC GIÁ KÝ HỢP ĐỒNG

Gói thầu XL03: Thi công xây dựng san lấp xử lý nền - San lấp khu dịch vụ hậu cần
Dự án: cảng phước an và khu dịch vụ hậu cần cảng (logistic)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phát rừng tạo mặt bằng bằng cơ giới. Mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng : > 5 cây	100m2	14.974,000	201.562	3.018.189.388
2	Đào xúc đất hữu cơ bằng máy đào 2,3m3	100m3	4.255,708	990.385	4.214.789.368
3	Vận chuyển đất hữu cơ bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 1000m	100m3	4.255,708	1.811.251	7.708.155.371
4	Vận chuyển đất hữu cơ bằng ô tô tự đổ 12T 1km tiếp theo	100m3	4.255,708	681.491	2.900.226.701
5	San đất bãi thải (tạm tính 50% đào hữu cơ)	100m3	2.127,854	291.172	619.571.505
6	Đào xúc đất bằng máy đào 2,3m3, đất cấp II	100m3	10.868,489	1.210.399	13.155.208.217
7	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II	100m3	10.868,489	2.071.732	22.516.596.453
8	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12T 1km tiếp theo, đất cấp II	100m3	10.868,489	793.558	8.624.776.394
9	Đắp đất bao mái taluy, K=0,90 (tận dụng)	100m3	929,790	922.059	857.321.238
10	San đầm đất bằng máy lu 25 tấn, K=0,90	100m3	8.950,655	684.300	6.124.933.217
11	Đắp cát công trình bằng máy lu 25 tấn, K=0,90	100m3	73.657,957	36.739.768	2.706.176.251.534
12	Đắp bù lún bằng cát, K=0,90	100m3	13.942,403	36.739.768	512.240.651.583
A	Tổng cộng chi phí xây dựng trước thuế				3.288.156.670.969
	Thuế VAT 10%				328.815.667.097
B	Tổng cộng chi phí xây dựng sau thuế				3.616.972.338.066
C	Chi phí dự phòng				108.509.170.142
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng	2,0%			72.339.446.761
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	1,0%			36.169.723.381
D	Tổng cộng				3.725.481.508.208

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Sỹ Quyết



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Đăng